

I. THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

Biểu 01

[illegible]

1	Kế toán - văn thư	01	01		01	01			01									01		01
2	Thư viện	01	01		01	01			01					01				01		01
3	Y tế - Thủ quỹ																			
IV	Tổng số người làm việc(I+II+III)	53	51	02	51	51	02	04	49			05	29	16	01	46	05	10	43	53
V	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ						05				05							03		
1	Nhân viên lao công						02				02							02		
2	Nhân viên bảo vệ						03				03							01		
3	Nhân viên phục vụ bán trú																			

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

- Cán bộ quản lý (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng): 03 đạt chuẩn 100%;
- Giáo viên: Đạt chuẩn: 48/48 (100%).

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định(Biểu 01):

- Cán bộ quản lý (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng): đạt 03/03 (100%);
- Giáo viên, nhân viên: đạt 50/50 (100%).

II. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất:

STT	Chỉ số đánh giá	Diện tích đất (m ²)	Yêu cầu tối thiểu theo quy định
1	Diện tích đất trường học (m ²)	2187 (m ²)	2,31 m ² /học sinh (Không đạt)
2	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1100 (m ²)	1,16 m ² /học sinh (Không đạt)

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân (Số m ² /HS)
I	Số phòng học/số lớp	27/27	1,24 m ² /HS
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	27	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	2187	2,31
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1100	1,16
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1276	1,25
2	Diện tích thư viện (m ²)	50	0,9
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	40	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	0	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	45	1,38
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	0	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	20	2,0
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	60	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
VI	Nhà bếp	80(m ²)
VII	Nhà ăn	0(m ²)

	Nội dung	Số lượng phòng	Tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
VIII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	19	800 m ²	780	1,02 m ²
IX	Khu nội trú				

X	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	16	1	20	5	100	5	100
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*								

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XV	Tường rào xây	x	

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

I	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	27	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	20	20/27
1.1	Khối lớp 1	06	6/5
1.2	Khối lớp 2	05	5/5
1.3	Khối lớp 3	06	6/6
1.4	Khối lớp 4	03	3/6
1.5	Khối lớp 5	0	0/5
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	09	09
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	0
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	03	03
2.5	Khối lớp 5	06	06
II	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ) - 01 phòng Tin học - 27 phòng học - Máy tính xách tay	58 bộ 29 bộ 27 bộ 02 bộ	0,7 bộ/1HS
III	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	30 cái	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01 cái	
5	Máy phô tô	01 cái	
6	Máy in	08 cái	
7	Âm li	03 cái	
8	Loa	04 cái	

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ

quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn trân trọng thông báo tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và các em học sinh danh mục Sách giáo khoa lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 nhà trường lựa chọn để thực hiện giảng dạy trong nhà trường năm học 2025 - 2026 như sau:

1. Danh mục sách giáo khoa lớp 1

STT	Tên SGK	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 1	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hoà Bình, Đặng Kim Nga, Lê Hữu Tĩnh.	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
2	Toán 1	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
3	Đạo đức 1	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Trần Thị Tố Oanh.	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Nguyễn Th Trang	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
5	Giáo dục Thể chất 1	Đặng Ngọc Quang (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Công Trường.	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
6	Âm nhạc 1	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Mĩ thuật 1	Phạm Văn Tuyên (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Đông (Chủ biên), Nguyễn Hải Kiên, Nguyễn Minh Quang.	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
8	Hoạt động trải nghiệm 1	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Phạm Quang Tiệp, Ngô Quang Quế.	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
9	Tiếng Anh 1 (I - learn smart start)	Nguyễn T Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Nguyễn D Hoài Thương, Nguyễn T Uyên Sa, Nguyễn H Thiên Ý.	NXB ĐHSP TP HCM	

(Danh mục gồm 09 sách giáo khoa lớp 1)

2. Danh mục sách giáo khoa lớp 2

STT	Tên SGK	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng-Trần Hiền Lương (đồng chủ biên), Lê Lan Anh, Vũ T Lan, Nguyễn T Ngọc Minh, Trần Kim Phượng, Đặng T Hảo Tâm.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống

STT	Tên SGK	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Hường, Bùi Bá Mạnh.		
3	Tự nhiên và Xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (chủ biên), Đào Thị hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tĩnh.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Ng Ngọc Dung, Lê T Tuyết Mai	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Giáo dục Thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng chủ biên), Lê Anh Sơn (Chủ biên), Nguyễn T Hà, Vũ T Hồng Thu, Vũ T Thu, Nguyễn Thành Trung, Phạm Mai Vương.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Ng Thụy Anh, N Thanh Bình (đồng Chủ biên), Bùi T Hương Liên, Lê T Luận, Trần T Tổ Oanh, Trần Thị Thu	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Âm nhạc 2	Hoàng Long, Đỗ T Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn T Thanh Vân	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Mĩ thuật 2	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hải Kiên (Chủ biên), Phạm Đình Bình, Nguyễn Thị Huyền.	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
9	Tiếng Anh 2 (I - learn smart start)	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương.	NXB ĐHSP TP HCM	

(Danh mục gồm 09 sách giáo khoa lớp 2)

3. Danh mục sách giáo khoa lớp 3

STT	Tên SGK	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 3	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Nguyễn Thị Kim Oanh Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Ng Ngọc Dung, Ng Thị Việt Hà.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Th Hương,	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Giáo dục	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên),	NXB	Kết nối

STT	Tên SGK	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
	Thể chất 3	Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng,	GDVN	tri thức với cuộc sống
7	Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Đặng Khánh Nhật.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Mĩ thuật 3	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên), Nguyễn T Huyền, Ng Hải Kiên.	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
9	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Tiếng Anh 3 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh	NXB GDVN	
11	Tin học 3	Trần Trung (Chủ biên), Trịnh Thị Phương Thảo, Chu Vĩnh Quyên, Nguyễn Thị Thu Phương, Nguyễn Phát Tài, Đào Thị Thêm.	NXB ĐH Vinh	

(Danh mục gồm 11 sách giáo khoa lớp 3)

4. Danh mục sách giáo khoa lớp 4

STT	Tên SGK	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 4	Tập 1,2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh,	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên)	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	LS&ĐL 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học Lịch sử), Đào Thị Hồng, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí)	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Bùi Thị Thu Hương,	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Giáo dục Thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên),	NXB GDVN	Kết nối tri thức

STT	Tên SGK	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Nguyễn Thị Nga.		với cuộc sống
10	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên), Nguyễn Hải Kiên.	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
11	Tiếng Anh 4 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Nguyễn Minh Tuấn.	NXB GDVN	
12	Tin học 4	Cao Hồng Huệ (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Phương, Nguyễn Phát Tài, Đào Thị Thêm, Lê Minh Tuấn.	NXB ĐH Vinh	

(Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 4)

5. Danh mục sách giáo khoa lớp 5

STT	Tên SGK	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 5	Tập 1,2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	LS&ĐL 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Giáo dục Thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên),	NXB	Kết nối

STT	Tên SGK	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga	GĐVN	tri thức với cuộc sống
10	Mĩ thuật 5	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên), Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Hải Kiên.	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
11	Tiếng Anh 5 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn	NXB GĐVN	
12	Tin học 5	Cao Hồng Huệ (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Phương, Nguyễn Phát Tài, Nguyễn Thị Thu Trà.	NXB ĐH Vinh	

(Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 5)

6. Danh mục xuất bản phẩm tham khảo.

STT	TÊN XUẤT BẢN PHẨM (Tên tài liệu, đồ dùng...)	TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN (Đơn vị sản xuất)
LỚP 1			
1	VBT Tiếng Việt (tập 1, 2)	Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên)	NXB ĐHSP TP HCM
2	VBT Toán tập 1 (tập 1, 2)	Đỗ Đức Thái (Chủ biên)	Nhà xuất bản ĐHSP
3	Bộ đồ dùng Toán + Tiếng Việt 1		Công ty CPSX dịch vụ và TM Xuân Phát.
4	VBT Tiếng Anh (I-learn Smart Start)	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên)	NXB ĐHSP TP HCM
LỚP 2			
1	Vở Thực hành toán 2 (tập 1, 2)	Lê Anh Vinh (Chủ biên)	Nhà xuất bản GĐVN
2	Vở Bài tập Tiếng Việt 2 (tập 1, 2)	Trần T Hiền Lương (Chủ biên)	Nhà xuất bản GĐVN
3	Bộ đồ dùng học Toán 2 (không hình khối)		Công ty CPSX dịch vụ và TM Xuân Phát.
4	VBT Tiếng Anh (I-learn Smart Start)	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên)	NXB ĐHSP TP HCM
LỚP 3			
1	Vở Thực hành toán 3 (tập 1, 2)	Lê Anh Vinh (Chủ biên)	Nhà xuất bản GĐVN
2	Tiếng Việt 3 (buổi 2)	Trần T Hiền Lương (Chủ biên)	Nhà xuất bản GĐVN

3	VBT Tiếng Anh (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
LỚP 4			
1	Vở Thực hành Toán (tập 1, tập 2)	Lê Anh Vinh (Chủ biên)	Nhà xuất bản GDVN
2	Vở Bài tập Tiếng Việt (tập 1, 2)	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)	Nhà xuất bản GDVN
3	VBT Tiếng Anh (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên)	Nhà xuất bản GDVN
LỚP 5			
1	Vở Thực hành Toán (tập 1, tập 2)	Lê Anh Vinh (Chủ biên)	Nhà xuất bản GDVN
2	Vở Bài tập Tiếng Việt (tập 1, 2)	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)	Nhà xuất bản GDVN
3	Vở Bài tập Lịch sử - Địa lí	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)	Nhà xuất bản GDVN
4	VBT Tiếng Anh (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên)	Nhà xuất bản GDVN

III. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1		X		
Tiêu chí 1.1		X		
Tiêu chí 1.2		X		
Tiêu chí 1.3		X		
Tiêu chí 1.4		X		
Tiêu chí 1.5		X		
Tiêu chí 1.6		X		
Tiêu chí 1.7		X		
Tiêu chí 1.8		X		
Tiêu chí 1.9		X		
Tiêu chí 1.10		X		
Tiêu chuẩn 2			X	

Tiêu chí 2.1			x	
Tiêu chí 2.2			x	
Tiêu chí 2.3			x	
Tiêu chí 2.4			x	
Tiêu chuẩn 3		x		
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x		
Tiêu chí 3.3		x		
Tiêu chí 3.4		x		
Tiêu chí 3.5		x		
Tiêu chí 3.6		x		
Tiêu chuẩn 4		x		
Tiêu chí 4.1		x		
Tiêu chí 4.2		x		
Tiêu chuẩn 5		x		
Tiêu chí 5.1		x		
Tiêu chí 5.2		x		
Tiêu chí 5.3		x		
Tiêu chí 5.4		x		
Tiêu chí 5.5		x		

Kết quả:

Đạt Mức 1: 23/27 tiêu chí

Đạt Mức 2: 04/27 tiêu chí (Tiêu chuẩn 2)

Trường đạt kiểm định chất lượng mức độ 1

Tổng số tiêu chí đạt: 27/27.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm

Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn đã được công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 1 vào tháng 1/2023.

Nơi nhận:

- Trang TTĐT (CM Công khai);
- Lưu: Hồ sơ công khai.

**Lê Thị Hoa**

